

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 234/2025/DS-PT

Ngày 02/12/2025

*“V/v: Tranh chấp yêu cầu tuyên bố hợp
đồng tặng cho quyền sử dụng đất vô
hiệu và hủy giấy chứng nhận quyền sử
dụng đất”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Tuấn.

Các thẩm phán: Ông Phạm Văn Toàn và ông Trần Đình Chi.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Đỗ Trọng Tú - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:* Ông Hoàng Thanh Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 28/11/2025 và ngày 02/12/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 128/2025/TLPT-DS ngày 07 tháng 10 năm 2025 về việc “Tranh chấp yêu cầu tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất vô hiệu và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”, theo đơn kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của ông Tạ Văn Đ, bà Nguyễn Thị Thu H, anh Tạ Đức N là ông Trần Văn T, đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2025/DS-ST ngày 27/6/2025 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Phú Thọ), theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 189/2025/QĐ-PT ngày 15/10/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2025-QĐ-TA ngày 29/10/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ông Nguyễn Hữu H1**, sinh năm 1969 và **bà Nguyễn Thị Thu H**, sinh năm 1968. Địa chỉ: Khu T, xã L, tỉnh Phú Thọ. (Khu T, thị trấn L, huyện L, tỉnh Phú Thọ cũ) (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: **Ông Tạ Văn Đ**, sinh năm 1961 và **bà Nguyễn Thị Thu H**, sinh năm 1968. Địa chỉ: Khu T, xã L, tỉnh Phú Thọ. (Khu T, thị trấn L, huyện L, tỉnh Phú Thọ cũ) (ông Đ có mặt, bà H vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Đ, bà H: **Ông Trần Quang T1**, sinh năm 1969. Địa chỉ: P, khu đô thị E, phường Đ, thành phố Hà Nội. (P206, khu đô thị E, phường Đ, quận B, thành phố Hà Nội cũ) (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ **Anh Tạ Đức N**, sinh năm 1988. Địa chỉ: Khu A, thị trấn H, huyện L, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của anh Tạ Đức N: **Ông Trần Quang T1**, sinh năm 1969. Địa chỉ: P, khu đô thị E, phường Đ, thành phố Hà Nội. (P206, khu đô thị E, phường Đ, quận B, thành phố Hà Nội cũ) (có mặt).

+ Bà **Vũ Thị H2**, sinh năm 1963 và ông **Đặng Văn N1**, sinh năm 1958. Địa chỉ: Khu T, xã L, tỉnh Phú Thọ. (Khu T, thị trấn L, huyện L, tỉnh Phú Thọ cũ) (vắng mặt).

+ Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Phú Thọ.

+ Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện L, tỉnh Phú Thọ.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của UBND huyện L và UBND thị trấn H, huyện L: **UBND xã L, tỉnh Phú Thọ**.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Mạnh T2- Chủ tịch.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Bùi Văn H3- Phó chủ tịch (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Người làm chứng:

Ngân hàng N2 chi nhánh L2.

Địa chỉ: Số B, đường H, xã L, tỉnh Phú Thọ.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quang T3- Giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Hạ Tùng L- Phó giám đốc (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] *Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Hữu H1 và bà Nguyễn Thị Thu H thống nhất trình bày:*

Tại Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 06/2014/QDST-DS ngày 15/4/2014 của TAND huyện Lâm Thao đã ghi nhận sự thỏa thuận giữa vợ chồng ông Nguyễn Hữu H1, bà Nguyễn Thị Thu H4 và vợ chồng ông Tạ Văn Đ, bà Nguyễn Thị Thu H về nghĩa vụ trả tiền cụ thể như sau: Ông Đ và H nhất trí trả cho vợ chồng ông bà tổng số tiền 2.450.000.000 đồng (Hai tỷ bốn trăm năm mươi triệu đồng) và chia thành các kỳ trả nợ gồm:

- Ngày 15/6/2014 trả 1.000.000.000 đồng.
- Ngày 15/12/2015 trả 350.000.000 đồng.
- Ngày 15/12/2016 trả 350.000.000 đồng.
- Ngày 15/12/2017 trả 350.000.000 đồng.
- Ngày 15/12/2018 trả 400.000.000 đồng.

Ngoài ra Quyết định còn tuyên khi đến hạn trả nợ theo từng lần và vợ chồng có đơn yêu cầu thi hành án thì ông Đ, bà H còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng N3 công bố tương ứng với thời

gian chậm trả.

Sau khi Quyết định có hiệu lực pháp luật và đến hạn trả nợ nhưng ông Đ, bà H không trả đúng thỏa thuận nên vợ chồng ông bà đã có Đơn yêu cầu thi hành án đến Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Thao. Ngày 06/5/2016 Chi Cục thi hành án dân sự huyện Lâm Thao đã có Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 27/QĐ-CCTHADS để yêu cầu ông Đ, bà H phải trả cho vợ chồng ông bà số tiền 806.500.000 đồng. Ngày 03/3/2022 Chi cục thi hành dân sự huyện L tiếp tục có Quyết định thi hành theo yêu cầu số 25/QĐ-CCTHADS để yêu cầu ông Đ, bà H phải thi hành khoản tiền 750.000.000 đồng trả cho vợ chồng ông. Tuy nhiên, suốt từ thời gian đó cho đến nay ông Đ, bà H vẫn chưa trả cho vợ chồng ông bà được khoản tiền nào và Cơ quan thi hành án dân sự huyện L cũng không thực hiện việc xác minh điều kiện thi hành án của ông Đ, bà H để tiến hành kê biên tài sản đảm bảo cho việc hành án. Ông bà được biết ông Đ, bà H có tài sản là các quyền sử dụng đất tại thị trấn L và thị trấn H. Ngày 15/5/2017 ông Đ, bà H đã làm Hợp đồng tặng cho con trai là anh Tạ Đức N 07 quyền sử dụng đất tại thị trấn H gồm:

- Thừa đất số 471, TĐĐ 05, diện tích 105m² (đất ở tại đô thị) tại khu A, thị trấn H, thị trấn H, huyện L, tỉnh Phú Thọ.

- Thừa đất số 472, TĐĐ 05, diện tích 105m² (đất ở tại đô thị) tại khu A, thị trấn H, thị trấn H, huyện L, tỉnh Phú Thọ.

- Thừa đất số 473, TĐĐ 05, diện tích 105m² (đất ở tại đô thị) tại khu A, thị trấn H, thị trấn H, huyện L, tỉnh Phú Thọ.

- Thừa đất số 474, TĐĐ 05, diện tích 105m² (đất ở tại đô thị) tại khu A, thị trấn H, thị trấn H, huyện L, tỉnh Phú Thọ.

- Thừa đất số 475, TĐĐ 05, diện tích 105m² (đất ở tại đô thị) tại khu A, thị trấn H, thị trấn H, huyện L, tỉnh Phú Thọ.

- Thừa đất số 476, TĐĐ 05, diện tích 105m² (đất ở tại đô thị) tại khu A, thị trấn H, thị trấn H, huyện L, tỉnh Phú Thọ.

- Thừa đất số 477, TĐĐ 05, diện tích 105m² (đất ở tại đô thị) tại khu A, thị trấn H, thị trấn H, huyện L, tỉnh Phú Thọ.

Ngày 19/5/2017 anh Tạ Đức N đã được UBND huyện L cấp CNQSD đất đối với 07 thửa đất trên.

Việc ông Đ, bà H làm thủ tục tặng cho con trai 07 quyền sử dụng đất là hành vi tẩu tán tài sản nhằm trốn tránh nghĩa vụ thi hành án đối với vợ chồng ông bà. Vì tại thời điểm ông Đ, bà H tặng cho con trai 07 quyền sử dụng đất trên thì vợ chồng ông bà đã có Đơn yêu cầu thi hành và Cơ quan thi hành án dân sự cũng đã có Quyết định thi hành theo yêu cầu đồng thời thông báo có ông Đ, bà H biết về việc thi hành án này.

Ngày 10/9/2024 ông bà nhận được Thông báo số 383/TB-CCTHADS ngày 09/9/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Thao về việc xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng đối với tài sản thi hành án hướng dẫn ông bà làm

Đơn khởi kiện đến Tòa án để yêu cầu tuyên bố giao dịch tặng cho tài sản giữa ông Tạ Văn Đ, bà Nguyễn Thị Thu H với ông Tạ Đức N là vô hiệu.

Nay ông bà khởi kiện đối với ông Tạ Văn Đ, bà Nguyễn Thị Thu H đề nghị Tòa án:

- Tuyên bố 07 Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 15/5/2017 đối với các thửa đất số 472, 473, 474, 475, 476 và 477 TĐĐ số 05 tại khu A, thị trấn H, huyện L, tỉnh Phú Thọ giữa bên tặng cho là Ông Tạ Văn Đ, bà Nguyễn Thị Thu H5 với bên nhận tặng cho là: anh Tạ Đức N là vô hiệu (Các hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất này đều được chứng thực tại UBND thị trấn H, huyện L, tỉnh Phú Thọ).

- Hủy 07 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện L cấp ngày 19/5/2017 đối với các thửa đất 472, 473, 474, 475, 476 và 477 TĐĐ số 05 tại khu A, thị trấn H, huyện L, tỉnh Phú Thọ đứng tên anh Tạ Đức N.

Ngày 24/02/2025 và tại phiên tòa sơ thẩm ông H1, bà H có Đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể:

- Không đề nghị Tòa án tuyên bố các Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đối với các thửa đất: 473, 474, 475, 476 và 477 giữa bên tặng cho ông Tạ Văn Đ, bà Nguyễn Thị Thu H và bên nhận tặng cho là anh Tạ Đức N là vô hiệu.

- Không đề nghị Tòa án hủy 05 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 05 thửa đất số: 473, 474, 475, 476 và 477, TĐĐ số 05 đứng tên anh Tạ Đức N do UBND huyện L cấp năm 2017.

- Chỉ đề nghị Tòa án tuyên bố 02 Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đối với các thửa đất: 471, 472 giữa bên tặng cho ông Tạ Văn Đ, bà Nguyễn Thị Thu H và bên nhận tặng cho là anh Tạ Đức N là vô hiệu. Và đề nghị Tòa án hủy 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 02 thửa đất 471 và 472, TĐĐ 05 do UBND huyện L cấp năm 2017 đứng tên anh Tạ Đức N.

Ông H1, bà H không đề nghị Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng tặng cho vô hiệu.

[2] *Quan điểm của bị đơn:*

2.1. *Bị đơn là ông Tạ Văn Đ trình bày:*

Trước đây vợ chồng ông bà là chủ sử dụng 07 thửa đất gồm 471, 472, 473, 474, 475, 476 và 477 TĐĐ 5 tại khu A, thị trấn H, huyện L, tỉnh Phú Thọ. Nguồn gốc 7 thửa đất này do ông bà nhận chuyển nhượng từ người khác và được UBND huyện L cấp GCNQSD đất đứng tên ông bà năm 2011. Ngày 30/8/2011 ông bà đã dùng 07 thửa đất này để thế chấp tại Ngân hàng N2 – Chi nhánh huyện L2 để đảm bảo cho khoản vay của ông Tạ Xuân L1, địa chỉ tại khu T, thị trấn L, huyện L, tỉnh Phú Thọ tại Ngân hàng N2. Do ông L1 không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng nên Ngân hàng đã xử lý tài sản bảo đảm là 07 thửa đất này thông qua Công ty TNHH Đ1. Sau đó ông Phùng Ngọc M, địa chỉ tại khu A, thị trấn H, huyện L, tỉnh Phú Thọ đã mua 07 thửa đất này (trước đây ông M là nhân viên bảo vệ tại Công ty X của ông) nhưng ông M chưa

làm thủ tục sang tên ông M. Khoảng năm 2017 con trai ông là Tạ Đức N có thống nhất với ông M để mua lại 07 thửa đất này từ ông M, mỗi thửa đất ông M bán tăng hơn 5.000.000 đồng so với giá mua đầu giá từ Ngân hàng. Sau đó anh N thuê bên dịch vụ làm thủ tục sang tên 07 thửa đất này từ tên vợ chồng ông bà sang anh N. Bên dịch vụ có soạn sẵn các hợp đồng tặng cho để làm thủ tục tặng cho từ vợ chồng ông bà sang anh N. Thời điểm đó do nhiều việc nên ông bà không để ý vấn đề này, khi ký vào các hợp đồng thì vợ chồng ông bà cũng không đọc nội dung của Hợp đồng. Ngày 19/5/2017 anh Tạ Đức N được UBND huyện L cấp GCNQSD đất đối với 07 thửa đất nêu trên. Việc thanh toán tiền chuyển nhượng giữa ông M và anh N như thế nào ông bà cũng không biết. Sau khi Ngân hàng xử lý xong 07 thửa đất này vợ chồng ông bà cũng không được nhận lại khoản tiền nào.

Hiện nay trong số 07 thửa đất nêu trên thì anh N đã chuyển nhượng 04 thửa đất và người nhận chuyển nhượng đã được cấp GCNQSD đất. Còn 03 thửa đất anh N cũng đã chuyển nhượng cho bà H tại khu T, thị trấn L, huyện L, tỉnh Phú Thọ tại Văn phòng C nhưng vẫn chưa làm thủ tục sang tên.

Ông khẳng định việc vợ chồng ông bà ký hợp đồng tặng cho anh Tạ Đức N 07 thửa đất trên không phải là hành vi tẩu tán tài sản để trốn tránh nghĩa vụ thi hành án đối với vợ chồng ông Nguyễn Hữu H1 và bà Nguyễn Thị Thu H. Tại thời điểm ông H1, bà H có Đơn yêu cầu thi hành án thì 07 thửa đất này đã được ông bà thế chấp tại Ngân hàng để đảm bảo cho khoản vay của ông Tạ Xuân L1. Toàn bộ quá trình xử lý tài sản bảo đảm là do Ngân hàng thực hiện, vợ chồng ông ký hợp đồng tặng cho chỉ là thủ tục vì thực tế vợ chồng ông bà không được nhận bất cứ khoản tiền nào từ việc xử lý tài sản bảo đảm này.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu H1 và bà Nguyễn Thị Thu H về việc đề nghị tuyên bố 07 Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đối với 07 thửa đất (từ 471 đến 477), TĐĐ 5 từ vợ chồng ông bà sang anh Tạ Đức N vô hiệu và hủy 07 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 07 thửa đất trên đứng tên anh N, quan điểm của ông bà như sau: Việc ông bà ký hợp đồng tặng cho anh N 07 thửa đất nêu trên chỉ là thủ tục vì thực thể 07 thửa này đã được Ngân hàng xử lý tài sản bảo đảm để đảm bảo cho khoản vay của ông Tạ Xuân L1. Do đó, ông bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông H1, bà H.

2.2. Đối với bị đơn là bà Nguyễn Thị Thu H:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần có Giấy triệu tập bà H đến Tòa án làm việc liên quan đến yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu H1 và bà Nguyễn Thị Thu H nhưng bà H đều không có mặt. Do đó bà H không có lời khai.

Ngày 06/6/2025 bà H có Giấy ủy quyền để ủy quyền cho ông Trần Quang T1 được thay mặt bà tham gia tố tụng tại Tòa án trong vụ án này. Tuy nhiên từ khi được bà H ủy quyền ông T1 đều không có mặt tại Tòa án theo các thông báo của Tòa án.

[3] Quan điểm của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Anh Tạ Đức N trình bày:

Bố mẹ anh là ông Tạ Văn Đ và bà Nguyễn Thị Thu H có 07 thửa đất (từ thửa số 471 đến thửa 477) TĐĐ 5 tại khu A, thị trấn H, huyện L, tỉnh Phú Thọ. Khoảng năm 2015 thì ông Phùng Ngọc M, địa chỉ tại khu A, thị trấn H, huyện L, tỉnh Phú Thọ đã mua đấu giá thành công 07 thửa đất này từ Ngân hàng N4 – Chi nhánh huyện L. Sau đó anh đã mua lại 07 thửa đất này từ ông M (không nhớ giá chuyển nhượng, thời điểm chuyển nhượng khoảng năm 2017). Sau khi hai bên thống nhất việc chuyển nhượng xong thì anh có nhờ bên dịch vụ (không nhớ rõ là văn phòng nào) để làm thủ tục cấp GCNQSD đất cho anh. Sau đó bên dịch vụ làm các thủ tục giấy tờ và đưa cho anh ký. Bên dịch vụ đã làm Hợp đồng tặng cho 07 thửa đất trên từ bố mẹ anh sang cho anh. Do anh thuê bên dịch vụ làm các thủ tục nên anh chỉ quan tâm là có được GCNQSD đất còn họ làm thế nào anh cũng không biết. Tiền chuyển nhượng 07 thửa đất anh đã thanh toán cho ông M. Ngày 19/5/2017 anh được UBND huyện L cấp GCNQSD đất đối với 07 thửa đất nêu trên. Hiện nay 07 thửa đất này anh đã chuyển nhượng 04 thửa cho người khác và người nhận chuyển nhượng cũng đã được cấp GCNQSD đất. Còn 03 thửa cũng đã chuyển nhượng cho bà H (không nhớ họ) ở khu T, TT L, huyện L, tỉnh Phú Thọ. Việc chuyển nhượng này được thực hiện tại Văn phòng C (không nhớ tên Văn phòng C). Bà H đã được cấp GCNQSD đất hay chưa anh cũng không nắm được.

Nay ông Nguyễn Hữu H1 và bà Nguyễn Thị Thu H khởi kiện đề nghị Tòa án tuyên bố 07 Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đối với các thửa đất trên vô hiệu đồng thời đề nghị hủy 07 GCNQSD đất đứng tên anh, quan điểm của anh là không nhất trí với yêu cầu khởi kiện.

3.2. Bà Vũ Thị H2 trình bày:

Tháng 12/2023 bà và chồng là ông Đặng Văn N1 có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với 02 thửa đất số 471, 472 TĐĐ 5 tại khu A, thị trấn H, huyện L, tỉnh Phú Thọ từ anh Tạ Đức N. Hợp đồng chuyển nhượng được công chứng tại Văn phòng C. Tại thời điểm vợ chồng bà nhận chuyển nhượng 02 thửa đất trên từ anh N thì vợ chồng ông bà được biết thửa đất không có tranh chấp gì và anh N cũng đã được UBND huyện L cấp GCNQSD đất. Giá trị chuyển nhượng 02 thửa đất trên là 01 tỷ đồng. Số tiền này vợ chồng ông bà đã thanh toán cho anh N. Sau khi ký hợp đồng chuyển nhượng vợ chồng ông bà đã đi làm thủ tục sang tên thì được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C thông báo 02 thửa đất này bị tạm dừng giao dịch nên ông bà đã mang hồ sơ về. Hiện nay 02 Giấy CNQSD đất bản chính đối với 02 thửa đất trên vợ chồng ông bà vẫn đang giữ. Hiện nay vợ chồng ông bà không có yêu cầu gì trong vụ án dân sự giữa ông Nguyễn Hữu H1, bà Nguyễn Thị Thu H và vợ chồng ông Tạ Văn Đ, bà Nguyễn Thị Thu H về việc đề nghị Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 471, 472 vô hiệu. Và cũng không có yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng tặng cho vô hiệu vì việc tặng cho đó không liên quan đến ông bà.

3.3. Ông Đặng Văn N1 trình bày:

Ông nhất trí với lời trình bày của bà Vũ Thị H2 về việc nhận chuyển

nhượng 02 thửa đất số 471, 472 TĐĐ 5 tại khu A, thị trấn H, huyện L, tỉnh Phú Thọ giữa vợ chồng ông bà với anh Tạ Đức N. Hiện nay vợ chồng ông bà cũng không có yêu cầu Tòa án giải quyết quyền lợi của ông bà liên quan đến việc nhận chuyển nhượng 02 thửa đất nêu trên trong vụ án Dân sự này. Tại phiên tòa hôm nay vợ chồng ông bà chỉ có quan điểm: Ông bà không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu H1 và bà Nguyễn Thị Thu H về việc đề nghị Tòa án tuyên bố 02 Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 471, 472 TĐĐ 5 giữa vợ chồng ông Đ và anh N là vô hiệu. Trường hợp Tòa án vẫn tuyên Hợp đồng tặng cho vô hiệu thì ông bà sẽ thực hiện quyền kháng cáo của mình theo quy định của pháp luật. Ông bà cũng không đề nghị giải quyết hậu quả của Hợp đồng tặng cho vô hiệu vì việc tặng cho này không liên quan đến ông bà.

3.4. UBND xã L, tỉnh Phú Thọ trình bày:

- Bà Vũ Thị Thu P – Đại diện theo ủy quyền của UBND huyện L cũ trình bày: Thửa đất số 471, TĐĐ số 05: UBND huyện L cấp GCNQSD đất cho hộ bà Nguyễn Thị Thu H và ông Tạ Văn Đ ngày 10/8/2011 tại thửa đất số 224-2, TĐĐ 59 tại C, thị trấn H, huyện L, tỉnh Phú Thọ, diện tích 105m² (đất ở), nguồn gốc sử dụng đất là nhận chuyển nhượng. Sau đó, ông Tạ Văn Đ, bà Nguyễn Thị Thu H đã thực hiện đính chính thông tin số hiệu thửa đất thành thửa số 471, TĐĐ 5. Ngày 15/5/2017 ông Đ, bà H đã thực hiện việc tặng cho thửa đất cho anh Tạ Đức N theo hợp đồng tặng cho QSD đất và tài sản gắn liền với đất (Hợp đồng được chứng thực tại UBND thị trấn H). Anh Tạ Đức N đã được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện L xác nhận nội dung cho tặng tại trang 4 GCNSD đất (trang 4 GCN chưa thể hiện thời gian xác nhận và chưa đóng dấu của Văn phòng đăng ký QSD đất).

Thửa đất số 472, TĐĐ số 05: UBND huyện L cấp GCNQSD đất cho hộ bà Nguyễn Thị Thu H và ông Tạ Văn Đ ngày 10/8/2011 tại thửa đất số 224-3, TĐĐ 59 tại C, thị trấn H, huyện L, tỉnh Phú Thọ, diện tích 105m² (đất ở), nguồn gốc sử dụng đất là nhận chuyển nhượng. Sau đó, ông Tạ Văn Đ, bà Nguyễn Thị Thu H đã thực hiện đính chính thông tin số hiệu thửa đất thành thửa số 472, TĐĐ 5. Ngày 15/5/2017 ông Đ, bà H đã thực hiện việc tặng cho thửa đất cho anh Tạ Đức N theo hợp đồng tặng cho QSD đất và tài sản gắn liền với đất (Hợp đồng được chứng thực tại UBND thị trấn H). Anh Tạ Đức N đã được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện L xác nhận nội dung cho tặng tại trang 4 GCNSD đất (trang 4 GCN chưa thể hiện thời gian xác nhận và chưa đóng dấu của Văn phòng đăng ký QSD đất).

Hiện nay đối với vụ án Dân sự mà TAND huyện Lâm Thao đang giải quyết, UBND huyện L đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Ông Đỗ Hoàng Văn V – Đại diện theo ủy quyền của UBND thị trấn H cũ trình bày: Ngày 15/5/2017 Vợ chồng ông Tạ Văn Đ, bà Nguyễn Thị Thu H, địa chỉ: Khu T, thị trấn L, huyện L, tỉnh Phú Thọ và anh Tạ Đức N (thời điểm đó có địa chỉ: Tổ A, phường Đ, quận H, TP .) có đến UBND thị trấn H để đề nghị UBND thị trấn H chứng thực Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất. Sau khi

nghe các bên trình bày ý chí, nguyện vọng của mình và kiểm tra các giấy tờ pháp lý liên quan đến tài sản tặng cho UBND thị trấn đã giao cho bộ phận Tư pháp soạn thảo Hợp đồng tặng quyền sử dụng đất giữa bên tặng cho là ông Tạ Văn Đ, bà Nguyễn Thị Thu H và bên nhận tặng cho là anh Tạ Đức N. Thời điểm này bên tặng cho làm thủ tục tặng cho bên nhận tặng cho 07 thửa đất ở gồm các thửa: 471, 472, 473, 474, 475, 476 và 477 TĐĐ số 5 tại C, khu A, thị trấn H, huyện L, tỉnh Phú Thọ. Thời điểm này cả 07 thửa đất trên đều đã được UBND huyện L cấp GCNQSD đất cho ông Tạ Văn Đ và bà Nguyễn Thị Thu H.

Sau khi soạn thảo xong Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, bên tặng cho và bên nhận tặng cho đã được đọc lại các Hợp đồng tặng cho và nhất trí ký tên tại mục “Bên tặng cho” và “bên nhận tặng cho”. Sau đó cán bộ Tư pháp đã trình lãnh đạo UBND thị trấn H ký chứng thực (Người ký chứng thực là ông Đinh Văn H6 – Chủ tịch UBND thị trấn H thời điểm đó).

Sau khi các bên hoàn tất Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, bên nhận tặng cho là anh Tạ Đức N đã được UBND huyện L cấp 07 GCNQSD đất đối với 07 thửa đất nhận tặng cho trên theo quy định của pháp luật. Toàn bộ trình tự, thủ tục cấp GCNQSD đất cho anh N đối với 07 thửa đất trên do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện L thời điểm đó làm. Sau đó Phòng Tài nguyên và môi trường huyện L cấp GCNQSD đất.

UBND thị trấn H khẳng định: Việc UBND thị trấn H chứng thực các Hợp đồng tặng cho đối với 07 thửa đất nêu trên là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục. Tại thời điểm chứng thực hợp đồng tặng cho UBND thị trấn H được biết các thửa đất này không có tranh chấp gì.

Hiện nay UBND thị trấn H được biết bà Nguyễn Thị Thu H và ông Nguyễn Hữu H1, địa chỉ tại khu T, thị trấn L, huyện L khởi kiện đối với ông Tạ Văn Đ, bà Nguyễn Thị Thu H để đề nghị Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao tuyên bố Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 471, 472, TĐĐ5 giữa bên tặng cho là ông Tạ Văn Đ, bà Nguyễn Thị Thu H và bên nhận tặng cho là anh Tạ Đức N vô hiệu và đề nghị hủy GCNQSD đất số CH 934730 đối với thửa đất 471, TĐĐ 5; GCNQSD đất số BG 598237 đối với thửa đất số 472, TĐĐ 5 do UBND huyện L cấp ngày 19/5/2017 đứng tên anh Tạ Đức N, quan điểm của UBND thị trấn Hùng Sơn như sau: Đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án theo pháp luật nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các bên.

UBND xã L, tỉnh Phú Thọ là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của UBND huyện L cũ và UBND thị trấn H, huyện L cũ. UBND xã L, tỉnh Phú Thọ vẫn giữ nguyên quan điểm như UBND huyện L cũ và UBND thị trấn H, huyện L cũ đã trình bày nêu trên, không bổ sung nội dung gì khác.

[4] *Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2025/DS-ST ngày 27/6/2025 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Phú Thọ) quyết định:*

Căn cứ vào: Căn cứ Điều 117, Điều 122, 123, 124, 131, khoản 3 Điều 132,

khoản 1 Điều 407, Điều 459 Bộ luật Dân sự; Khoản 1 Điều 188 Luật Đất đai 2013; Khoản 1 Điều 45 Luật Đất đai năm 2024; Điều 75, 90 Luật Thi hành án dân sự; Khoản 3 Điều 26, Điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 1 Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 271, Khoản Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu H1 và bà Nguyễn Thị Thu H:

- Tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 15/5/2017 đối với thửa đất số 471, TĐĐ 05, diện tích 105m² (đất ở) tại khu A, thị trấn H, huyện L, tỉnh Phú Thọ giữa bên tặng cho là ông Tạ Văn Đ, bà Nguyễn Thị Thu H với bên nhận tặng cho là anh Tạ Đức N vô hiệu (Hợp đồng tặng cho được chứng thực tại UBND thị trấn H, huyện L, tỉnh Phú Thọ).

- Tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 15/5/2017 đối với thửa đất số 472, TĐĐ 05, diện tích 105m² (đất ở) tại khu A, thị trấn H, huyện L, tỉnh Phú Thọ giữa bên tặng cho là ông Tạ Văn Đ, bà Nguyễn Thị Thu H với bên nhận tặng cho là anh Tạ Đức N vô hiệu (Hợp đồng tặng cho được chứng thực tại UBND thị trấn H, huyện L, tỉnh Phú Thọ).

- Không xem xét giải quyết hậu quả của Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất vô hiệu do các đương sự đều không đề nghị giải quyết.

2. Ông Tạ Văn Đ, bà Nguyễn Thị Thu H và anh Tạ Đức N có nghĩa vụ liên hệ với Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện việc điều chỉnh biến động đất đai hoặc cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Tạ Văn Đ, bà Nguyễn Thị Thu H đối với thửa đất số 471 TĐĐ 05, diện tích 105m² và thửa đất số 472 TĐĐ 05 diện tích 105 tại khu A, thị trấn H, huyện L, tỉnh Phú Thọ.

3. Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Hữu H1, bà Nguyễn Thị Thu H về việc đề nghị hủy GCNQSD đất số CH 934730 đối với thửa đất số 471, TĐĐ 05 và GCNQSD đất số CH 934731 đối với thửa đất số 472, TĐĐ 05 do UBND huyện L cấp ngày 19/5/2015 đứng tên anh Tạ Đức N.

4. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu H1, bà Nguyễn Thị Thu H về việc:

- + Đề nghị Tòa án tuyên bố các Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đối với các thửa đất: 473, 474, 475, 476 và 477 TĐĐ 05 tại khu A, thị trấn H, huyện L, tỉnh Phú Thọ giữa bên tặng cho ông Tạ Văn Đ, bà Nguyễn Thị Thu H và bên nhận tặng cho là anh Tạ Đức N là vô hiệu.

- + Đề nghị Tòa án hủy 05 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện L cấp ngày 19/5/2017 đứng tên anh Tạ Đức N gồm: GCNQSD đất số CH 934732 đối với thửa đất số 473, TĐĐ 05, diện tích 105m² (đất ở); GCNQSD

đất số CH 934733 đối với thửa đất số 474, TĐĐ 05, diện tích 105m² (đất ở); GCNQSD đất số CH 934734 đối với thửa đất số 475, TĐĐ 05, diện tích 105m² (đất ở); GCNQSD đất số CH 934735 đối với thửa đất số 476, TĐĐ 05, diện tích 105m² (đất ở); GCNQSD đất số CH 934729 đối với thửa đất số 477, TĐĐ 05, diện tích 105m² (đất ở);

4. Về án phí: Ông Tạ Văn Đ và bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Hữu H1 và bà Nguyễn Thị Thu H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông H7, bà H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001757 ngày 02/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Thao.

5. Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Hữu H1 và bà Nguyễn Thị Thu H tự nguyện chịu toàn bộ tiền chi phí tố tụng là 10.300.000 đồng (Mười triệu ba trăm nghìn đồng) tiền chi phí tố tụng. Xác nhận ông H1, bà H đã nộp đủ số tiền chi phí tố tụng trên.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án còn tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

[5] *Nội dung kháng cáo:*

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đ, bà H, anh N là ông Trần Quang T1 kháng cáo cho rằng tài sản ông Đ, bà H đã thế chấp ngân hàng trước khi quyết định công nhận thỏa thuận giữa ông H1, bà H với ông Đ, bà H được ban hành nên thi hành án dân sự không thể kê biên, cưỡng chế tài sản này.

[6] *Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tại phiên tòa:*

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử phúc thẩm, thư ký phiên tòa. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự đối với phiên tòa phúc thẩm.

Về nội dung vụ án:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của Trần Văn T là người đại diện theo ủy quyền của Ông Tạ Văn Đ, bà Nguyễn Thị Thu H và anh Tạ Đức N.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2025/DS-ST ngày 27/6/2025 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ (nay là Tòa án nhân dân Khu

vực 2 – Phú Thọ).

Về án phí: Ông Tạ Văn Đ là người cao tuổi nên được miễn án phí. Bà Nguyễn Thị Thu H và anh Tạ Đức N phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

(Chi tiết bài phát biểu được lưu trong hồ sơ vụ án).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở ý kiến trình bày của các bên đương sự và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của ông Trần Quang T1 - người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Tạ Văn Đ, bà Nguyễn Thị Thu H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Tạ Đức N - được nộp trong thời hạn luật định, nội dung kháng cáo hợp lệ nên được xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Trần Quang T1 (người đại diện theo ủy quyền của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) và bị đơn ông Tạ Văn Đ đề nghị đưa ông Phùng Ngọc M tham gia vụ án với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vì ông M là người đã trả nợ khoản vay của ông Tạ Xuân L1 và mua đấu giá tài sản thế chấp từ Ngân hàng N2 - Chi nhánh huyện L.

Hội đồng xét xử xét thấy: Ông Phùng Ngọc M không phải là bên trực tiếp tham gia vào các hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Tạ Văn Đ, bà Nguyễn Thị Thu H với anh Tạ Đức N đang bị tranh chấp vô hiệu. Theo các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện ông M là người đã tất toán khoản vay của ông Tạ Xuân L1 tại Ngân hàng, nhưng không có tài liệu, chứng cứ nào thể hiện việc ông M mua đấu giá tài sản thế chấp từ Ngân hàng, sau đó đã bán lại cho anh N; toàn bộ giao dịch chỉ thể hiện qua hợp đồng tặng cho. Do đó, sự tham gia của ông M không cần thiết để giải quyết tranh chấp về tính vô hiệu của hợp đồng tặng cho, và không ảnh hưởng đến quyền lợi của các đương sự hiện tại. Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Ngân hàng N2 chi nhánh L2 trình bày: Trên cơ sở đơn đề nghị tự bán tài sản thế chấp của ông Đ gửi Ngân hàng, Ngân hàng đã lập Văn bản thỏa thuận ngày 10/3/2017 (bút lục 493) theo đề nghị của ông Đ, bà H, ông L1 và ông M để ông M nộp tiền vào tài khoản ngân hàng M1 tất toán khoản vay của ông L1 (theo Giấy nộp tiền ngày 10/3/2017 và ngày 29/3/2017 (bút lục 490, 491). Ngân hàng không đứng ra bán tài sản thế chấp của ông Đ, bà H cho ông M, việc ông Đ bà H có bán tài sản thế chấp trên cho ông M hay không ngân hàng không nắm được nên việc đề nghị đưa ông M tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tại giai đoạn phúc thẩm là không có cơ sở, Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị này. Ông Phùng Ngọc M và ông Tạ Xuân L1 nếu có tranh chấp thì giải quyết bằng vụ án khác.

[2] *Về nội dung vụ án:*

2.1. Xét yêu cầu kháng cáo của ông Trần Quang T1:

Ông Trần Quang T1 kháng cáo cho rằng bản án sơ thẩm không có cơ sở khi tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất vô hiệu, vì tại thời điểm ký hợp đồng cho tặng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 15/5/2017 giữa ông Tạ Văn Đ, bà Nguyễn Thị Thu H với anh Tạ Đức N, 07 thửa đất đã được thế chấp tại Ngân hàng N2 - Chi nhánh huyện L từ năm 2011 để đảm bảo cho khoản vay của ông Tạ Xuân L1. Theo ông T1, việc xử lý tài sản bảo đảm là do Ngân hàng thực hiện, vợ chồng ông Đ, bà H không nhận được khoản tiền nào từ việc xử lý này, và hợp đồng tặng cho chỉ là thủ tục hình thức để chuyển quyền từ vợ chồng ông Đ sang anh N sau khi ông Phùng Ngọc M mua đấu giá từ Ngân hàng và bán lại cho anh N. Do đó, không có hành vi tẩu tán tài sản nhằm trốn tránh nghĩa vụ thi hành án đối với ông Nguyễn Hữu H1 và bà Nguyễn Thị Thu H, và thi hành án dân sự không thể kê biên, cưỡng chế tài sản đã thế chấp trước khi có Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 06/2014/QDST-DS ngày 15/4/2014 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao.

Hội đồng xét xử xét thấy: Quan hệ tranh chấp là “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất vô hiệu và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bản án sơ thẩm đã phân tích, nhận định rõ ràng và có căn cứ về việc hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 15/5/2017 giữa ông Tạ Văn Đ, bà Nguyễn Thị Thu H (bên tặng cho) và anh Tạ Đức N (bên nhận tặng cho) đối với 02 thửa đất số 471 và 472, tờ bản đồ số 05, tại khu A, thị trấn H, huyện L, tỉnh Phú Thọ là vô hiệu do giả tạo (theo Điều 124 Bộ luật Dân sự 2015) và vi phạm điều cấm của pháp luật (theo Điều 123 Bộ luật Dân sự 2015), nhằm trốn tránh nghĩa vụ thi hành án theo Điều 75, 90 Luật Thi hành án dân sự và Điều 24 Nghị định 62/2015/NĐ-CP.

Cụ thể: Tại thời điểm ký hợp đồng tặng cho ngày 15/5/2017, ông Đ và bà H đã có nghĩa vụ trả nợ 2.450.000.000 đồng theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận số 06/2014/QDST-DS ngày 15/4/2014 có hiệu lực pháp luật, và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Thao đã ban hành Quyết định thi hành án số 27/QĐ-CCTHADS ngày 06/5/2016 yêu cầu thi hành 806.500.000 đồng, đồng thời thông báo cho ông Đ, bà H. Việc thế chấp 07 thửa đất từ năm 2011 không loại trừ trách nhiệm thi hành án, ông Đ và bà H vẫn là người phải thi hành án và không được phép chuyển dịch tài sản mà không sử dụng khoản tiền thu được để thi hành án (khi không có tài sản khác đủ đảm bảo). Lời khai của ông Đ, anh N và ông M cho thấy không có chứng cứ chứng minh giao dịch chuyển nhượng thực tế từ ông M sang anh N; toàn bộ hồ sơ chỉ thể hiện hợp đồng tặng cho từ ông Đ, bà H sang anh N, mà không phải hợp đồng chuyển nhượng. Điều này chứng tỏ hợp đồng tặng cho là giả tạo để che giấu bản chất chuyển nhượng, nhằm tẩu tán tài sản trốn tránh thi hành án.

Về yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu hủy 02 Giấy chứng nhận số CH 934730 và CH 934731

cấp ngày 19/5/2017 cho anh N, mà chỉ yêu cầu các bên liên hệ cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh biến động đất đai theo Công văn số 64/TANDTC-PC ngày 03/4/2019 của Tòa án nhân dân tối cao, là phù hợp. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với 05 thửa đất còn lại và đình chỉ giải quyết cũng đúng quy định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Kháng cáo của ông T1 không đưa ra chứng cứ mới nào bác bỏ được nhận định của bản án sơ thẩm, nên không có căn cứ chấp nhận. Do đó, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2.2. Về hậu quả hợp đồng vô hiệu và quyền lợi của ông Đặng Văn N1, bà Vũ Thị H2: Bản án sơ thẩm không xem xét giải quyết hậu quả do các bên không yêu cầu, và chỉ đưa ông N1, bà H2 tham gia với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan mà không giải quyết tranh chấp chuyển nhượng từ anh N sang ông bà do không có yêu cầu độc lập là phù hợp với Điều 131 Bộ luật Dân sự và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

2.3. Về chi phí tố tụng: Bản án sơ thẩm ghi nhận nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá (10.300.000 đồng) là phù hợp.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bị đơn ông Tạ Văn Đ là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Tạ Đức N phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, do kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền không được chấp nhận.

[4] Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tại phiên tòa phúc thẩm về việc giữ nguyên Bản án sơ thẩm là phù hợp với các quy định của pháp luật và tình tiết vụ án.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Quang T1 là người đại diện theo uỷ quyền của Ông Tạ Văn Đ, bà Nguyễn Thị Thu H và anh Tạ Đức N.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2025/DS-ST ngày 27/6/2025 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Phú Thọ).

[2] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Căn cứ: Điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14.

Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Tạ Văn Đ.

Bà Nguyễn Thị Thu H và anh Tạ Đức N mỗi người phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm do yêu cầu kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền là ông Trần Quang T1 không được chấp nhận. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mỗi người đã nộp là 300.000đ theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0000203 và số 0000197 ngày 11/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo và không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo và kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND KV2 - Phú Thọ;
- Phòng THADS KV2 – Phú Thọ;
- Tòa án nhân dân KV2 – Phú Thọ;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Anh Tuấn